

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/DSST

Ngày 17-02-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hải Đường;

Ông Trần Hữu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Hậu, thư ký Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 398/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2024/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Đình Thị C**, sinh năm 1978;

Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1996;

Cùng nơi cư trú: ấp TĐ, xã SĐ, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kiều T**, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp PB, xã SĐ, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Đình Thị C trình bày:

Bà và bà T không có quan hệ họ hàng gì, nhà bà mở tiệm cầm đồ bà T là khách hành của bà nên mới quen biết nhau. Bà T đã nhiều lần vay tiền của bà và đã trả xong; hiện chỉ còn nợ lại khoản vay 37.000.000 đồng đang tranh chấp, cụ thể: Ngày 27-11-2023 bà T có đến nhà bà vay số tiền là 37.000.000 đồng. Khi vay bà T có ký nhận nợ là “giấy mượn tiền” giao cho bà, giấy mượn tiền là mẫu in sẵn có tại nhà bà, chữ viết trong phần nội dung giấy mượn tiền là của bà T, bà T tự viết và ký tên vào phần người mượn tiền, bà và anh Đ ký

tên vào dưới phần người cho mượn tiền. Do mẫu giấy mượn tiền là in sẵn ghi tên bà và anh Đ nên cả hai cùng ký tên, thực tế tiền là của bà. Bà và bà T có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 40.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay tiền là 02 tháng. Sau khi vay, bà có đòi tiền bà T nhiều lần nhưng đến nay bà T không trả cho bà khoản tiền gốc, lãi nào. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà T có trách nhiệm trả cho bà số tiền 37.000.000 đồng, tính lãi theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Anh là con ruột của bà Nguyễn Đình Thị C. Anh và bà T không có quan hệ họ hàng gì, do nhà anh mở tiệm cầm đồ, bà T là khách hàng thường đến cầm đồ tại nhà bà nên có quen biết bà T. Ngày 27-11-2023 bà T có đến nhà anh để vay số tiền 37.000.000 đồng, việc vay tiền, giao nhận tiền đều do bà C và bà T trực tiếp thỏa thuận với nhau, anh không nắm rõ. Anh và bà C nhiều lần gọi điện yêu cầu bà T trả số tiền vay, nhưng cho đến nay thì bà T chưa trả được khoản gốc, lãi nào; do đó anh yêu cầu bà T trả số tiền vay 37.000.000 đồng.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

Số tiền 37.000.000 đồng đang tranh chấp là tiền lãi, không phải tiền gốc. Số tiền này có nguồn gốc như sau: Vào giữa năm 2023, bà vay của bà C số tiền 850.000.000 đồng. Sau đó bà làm thủ tục sang tên chủ sử dụng đất từ tên bà sang con trai Võ QĐ nên có vay thêm bà C 200.000.000 đồng. Bà và bà C thỏa thuận, sau khi làm thủ tục sang tên cho anh QĐ xong thì mẹ con bà thế chấp giấy chứng nhận vay ngân hàng để trả cho bà C. Đến ngày 30-7-2023, bà C chốt gốc, lãi tổng cộng 1.320.000.000 đồng, bà có ký tên nhận nợ vào giấy mượn tiền. Đến cuối tháng 8-2023 anh QĐ được đứng tên chủ sử dụng đất, đã thế chấp giấy chứng nhận vay VIB số tiền 1.450.000 đồng, anh QĐ đã chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản của bà C. Sau đó, bà C tính toán nợ, xác định nói mẹ con bà còn thiếu nợ 100.000.000 đồng tiền lãi và buộc anh QĐ ký nhận nợ số tiền này vào ngày 28-8-2023 al. Do bà không có tiền trả lãi 100.000.000 đồng mà anh QĐ ký giấy nợ, nên bà C có buộc bà tiếp tục ký giấy nợ 37.000.000 đồng vào ngày 27-11-2023. Nay bà không đồng ý trả nợ theo đơn kiện của bà C, anh Đ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 463, 468, Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Đình Thị C, anh Nguyễn Tấn Đ đối với bà Nguyễn Thị Kiều T về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản.”

- Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T có trách nhiệm trả cho bà Lê Đình Thị C, anh Nguyễn Tấn Đ số tiền vay còn nợ 37.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

-Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà C , anh Đ có đơn xin vắng mặt, bà T đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; do đó Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Quá trình giải quyết, bà T thừa nhận có ký nhận nợ số tiền 37.000.000 đồng tại “giấy mượn tiền” đề ngày 27-11-2023 do bà C cung cấp giấy nợ là đúng, nhưng bà cho rằng đây là tiền lãi của khoản vay gốc ban đầu 850.000.000 đồng vay giữa năm 2023, nhưng bà C, anh Đ không thừa nhận.

Thấy rằng, tại giấy nợ do bà T tự viết ngày 27-11-2023 không thể hiện số tiền 37.000.000 đồng là tiền lãi. Tại bản tự trình bày của bà T, bà xác định khoản vay 850.000.000 đồng vay giữa năm 2023, tại thời điểm tháng 8-2023 bà đã vay ngân hàng trả cho bà C, anh Đ gốc, lãi là 1.450.000.000 đồng, số tiền còn nợ 100.000.000 đồng thì con bà đã ký giấy nhận nợ với bà C, anh Đ; như vậy, tại thời điểm này bà T không còn nợ bà C, anh Đ; nhưng đến ngày 27-11-2023 bà T lại nhận nợ lãi 37.000.000 đồng của số tiền vay 850.000.000 đồng là không phù hợp. Bà T xác định tiền tranh chấp là lãi nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Tại giấy nợ các bên không xác định thời hạn trả, không ghi lãi suất, nay có tranh chấp về mức lãi suất nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tính kể từ thời điểm vay ngày 27-11-2023 đến nay (ngày 17-02-2025); thành tiền:

$37.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 13 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = 4.224.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

Như vậy, tổng cộng gốc, lãi là:

$37.000.000 \text{ đồng} + 4.224.000 \text{ đồng} = 41.224.000 \text{ đồng}.$

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, anh Đ; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bà C, anh Đ không phải chịu.

Bà T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu bà C, anh Đ được Tòa án chấp nhận là 2.061.200 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Đình Thị C, anh Nguyễn Tấn Đ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị Kiều T.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T có trách nhiệm trả cho bà Lê Đình Thị C, anh Nguyễn Tấn Đ số tiền 41.224.000 (*Bốn mươi một triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn*) đồng (trong đó gốc 37.000.000 đồng, lãi 4.224.000 đồng).

1.2. Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày 18-02-2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Lê Đình Thị C, anh Nguyễn Tấn Đ không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu hoàn trả cho bà C, anh Đ 925.000 (*chín trăm hai mươi lăm*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008081 ngày 02 tháng 10 năm 2024.

2.2. Bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 2.061.200 (*hai triệu không trăm sáu mươi một nghìn hai trăm*) đồng.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

4. Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Huyện DMC,
- Chi cục THA H.DMC,
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

TẠ THỊ HẠ